

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ- ST
Ngày 15-10-2018
V/v Ly hôn giữa chị N1- anh H1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thượng;
2. Ông Phan Văn Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà xxx, đường T1, khu L1, thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2.Bị đơn: Anh Hồ Vũ H1, sinh năm 1991, Địa chỉ: Thôn A1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề 11/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị N1 trình bày: Chị và anh H1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013 ngày 19/6/2013. Khoảng tháng 8/2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế, xxx. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 8/2014, anh H1 bỏ về nhà bố mẹ anh sinh sống; từ đó, vợ chồng không sống cùng nhau, không còn yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Về

con chung: Vợ chồng có một con chung là Hồ Nguyễn G1, sinh ngày 26/9/2013; hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Chị là chủ cơ sở xxx tại Ga Đ1 và quản lý nhà nghỉ của gia đình tại thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; thu nhập 15.000.000 đồng/1tháng. Do chị làm việc tại nơi ở nên chị có thời gian để chăm sóc con và thực tế từ khi anh H1 bỏ đi, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Ngoài ra, chị có sự hỗ trợ của bố mẹ chị cả về kinh tế và chăm sóc con. Chị không đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì từ khi vợ chồng không sống chung với nhau thì anh H1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh H1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về thời gian phát sinh mâu thuẫn, về việc từ tháng 8/2014 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa; về việc vợ chồng có 01 con chung là Hồ Nguyễn G1, sinh ngày 26/9/2013. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh đang làm quản lý của quán xxx tại thành phố Hải Phòng; thu nhập từ 13.500.000 đồng – 15.000.000 đồng/1tháng; thời gian làm việc từ 14 giờ đến 18 giờ. Khi làm việc tại Hải Phòng anh ở trọ, còn khi về xã T2 anh sống cùng bố mẹ đẻ. Trường hợp anh được Tòa án giao con cho anh, anh sẽ nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc, cuối tuần về nhà với con. Anh xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/8/2018, nguyên đơn, bị đơn thuận tình ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung nên hòa giải không thành; vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị N1 và anh H1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị N1 - anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Quá trình hòa giải, anh chị thuận tình ly hôn nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N1 và anh H1.

[3]. Về con chung:

[3.1]. Vợ chồng chị N1 – anh H1 có một con chung là Hồ Nguyễn G1, sinh ngày 26/9/2013. Trong quá trình tố tụng, chị N1, anh H1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu cấp dưỡng.

[3.2]. Chị N1, anh H1 đều có thu nhập ổn định nên đều có điều kiện kinh tế để nuôi con mà không cần cấp dưỡng. Anh H1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi con nhưng anh làm việc ở xa nên không chăm sóc con thường xuyên; ngược lại chị N1 sinh sống tại nơi làm việc nên có thời gian để chăm sóc con tốt hơn. Từ khi anh H1 bỏ đi, chị N1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vẫn ổn định, con chung đang đi học tại trường Mầm non thị trấn Đ1 được Ban giám hiệu nhà trường xác nhận luôn đảm bảo sức khỏe, tinh thần. Anh H1 vắng mặt tại các phiên tòa thể hiện anh không thiết tha với việc nuôi con. Hiện con chung đang sống cùng chị N1, để đảm bảo sự ổn định cho con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình xử giao con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị N1 phải chịu 300.000, đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh N1 và anh Hồ Vũ H1.

2. Về con chung: Chị N1 và anh H1 có 01 con chung là Hồ Nguyễn G1, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2013.

-Giao con chung Hồ Nguyễn G1 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001409 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng